



shòu xùn

受训

verb · to receive training

Example Sentences

Xīn yuán gōng zhèng zài shòu xùn

新员工正在受训。

The new employees are receiving training.

tā qù nián zài jūn xiào shòu xùn le liù gè yuè

他去年在军校受训了六个月。

He received training at a military academy for six months last year.

Trace each character, then write the word on your own.

受	受	受	受	受	受	受	受	受	受	受
训	训	训	训	训	训	训	训			